TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 5 – AN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2026/DS-ST
Ngày: 27-01-2026
"V/v tranh chấp nợ hụi"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 - AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Danh Thị Kiều Oanh**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Danh Quý

2. Ông Võ Văn Liềm

- *Thư ký phiên tòa*: Bà Lê Thị Hồng Phúc - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 5, tỉnh An Giang.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 – An Giang: không tham gia phiên toà.*

Ngày 27 tháng 01 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 5 - An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 465/2025/TLST-DS, ngày 29 tháng 12 năm 2025 về việc "tranh chấp nợ hụi" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 16/2025/QĐXXST-DS ngày 13 tháng 01 năm 2026 giữa:

Nguyên đơn: bà Lê Thị T, sinh ngày 01/01/1962

Địa chỉ: ấp T, xã Đ, tỉnh A

Bị đơn: bà Khưu Hồng S, sinh ngày 19/8/1983

Địa chỉ: ấp T, xã Đ, tỉnh A

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện ngày 03/12/2025 và bản tự khai cùng với lời trình bày tại phiên tòa của nguyên đơn bà Lê Thị T như sau:**

Bà T có làm chủ dây hụi 2.000.000đ/tháng, áp ngày 15 tháng 11 năm 2023 (âm lịch), một tháng xổ một lần, xổ vào ngày 15 hàng tháng, dây hụi có 23 hụi viên, hình thức ai kêu cao thì người đó hốt, bà than nhận hoa hồng mỗi chân là 1.000.000đồng (Một triệu đồng), dây hụi có bà Khưu Hồng S tham gia chơi 02 chân và bà S đã hốt hết, bà T đã chung hụi cho bà S đầy đủ, sau khi hốt xong thì bà S không đóng hụi chết đầy đủ, dây hụi đã mãn vào tháng 9/2025 nhưng bà S vẫn còn nợ bà T 25.000.000đồng (hai mươi lăm triệu đồng), bà T có yêu cầu bà S trả nợ nhiều lần nhưng bà S xin hẹn trả dần

mỗi vụ lúa từ 1.000.000đồng đến 2.000.000đồng cho đến khi hết nợ, bà T không đồng ý nên bà khởi kiện đến Tòa án.

Tại phiên tòa, bà Lê Thị T yêu cầu Tòa án giải quyết buộc một mình bà Khưu Hồng S phải có nghĩa vụ trả số tiền nợ hụi 25.000.000đồng (hai mươi lăm triệu đồng) và bà T không yêu cầu bà S đóng lãi nhưng yêu cầu bà S phải có nghĩa vụ trả đủ một lần số tiền nợ sau khi bản án có hiệu lực pháp luật. Ngoài ra, bà T không yêu cầu gì thêm.

*** Tại bản tự khai đề ngày 13/01/2026, tại phiên hòa giải cũng như tại phiên tòa bị đơn bà Khưu Hồng S trình bày**: Bà thừa nhận có tham gia chơi hụi do bà Lê Thị T làm chủ, dây hụi 2.000.000đồng (hai triệu đồng), bà S tham gia chơi 02 chân và đã hốt hết, bà S đã nhận đủ tiền hụi từ bà T, dây hụi này mãn tháng 9/2025. Tính đến hiện nay thì bà S thừa nhận còn nợ bà T 25.000.000đồng (hai mươi lăm triệu đồng) là đúng sự thật.

Tại phiên tòa, bà Khưu Hồng S thừa nhận có nợ bà T tổng số tiền hụi 25.000.000đồng (Hai mươi lăm triệu đồng) và đồng ý trả nợ cho bà T nhưng do hoàn cảnh kinh tế hiện nay rất khó khăn không có đủ tiền trả một lần cho bà T mà bà S xin trả dần mỗi vụ lúa trả từ 1.000.000đồng đến 2.000.000đồng cho đến khi hết nợ. Ngoài ra, bà S không trình bày hay yêu cầu gì thêm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ và toàn diện các chứng cứ, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Quan hệ pháp luật tranh chấp giữa bà Lê Thị T và bị đơn bà Khưu Hồng S là "Tranh chấp nợ hụi". Bị đơn có địa chỉ tại ấp T, xã Đ, tỉnh An Giang nên Tòa án nhân dân Khu vực 5 - An Giang thụ lý, giải quyết là đúng theo quy định tại Điều 26, 35, 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung: Quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa bà T và bà S thống nhất xác định như sau: bà T làm chủ dây hụi 2.000.000đồng áp ngày 15 tháng 11 năm 2023 (âm lịch), một tháng xổ một lần vào ngày 15 hàng tháng, dây hụi có 23 hụi viên, bà S tham gia chơi 02 chân và bà S đã hốt hết, bà T đã chung hụi đủ cho bà S, dây hụi đã mãn vào tháng 9/2025 mà bà S còn nợ bà T số tiền 25.000.000đồng (Hai mươi lăm triệu đồng) bà T có yêu cầu bà S trả nợ nhiều lần nhưng bà S không trả nên bà T khởi kiện đến Tòa án. Bà S thừa nhận còn nợ bà T tiền hụi 25.000.000đồng (Hai mươi lăm triệu đồng) là đúng sự thật và đồng ý trả nên đây là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Nên xét yêu cầu khởi kiện của bà T là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Bà S thừa nhận còn nợ bà T là 25.000.000đồng (Hai mươi lăm triệu đồng) nhưng bà S cho rằng hiện nay do hoàn cảnh kinh tế khó khăn, không có tiền trả đủ một lần nên bà S xin trả dần mỗi vụ lúa trả từ 1.000.000đồng (Một triệu đồng) đến 2.000.000đồng (Hai triệu đồng) cho đến khi hết nợ. Tuy nhiên, yêu cầu trả nợ của bà S không được bà T đồng ý vì bà T cho rằng thời gian trả nợ như vậy kéo dài quá lâu làm ảnh hưởng đến quyền lợi của bà nên Hội đồng xét xử không có cơ sở xem xét nguyện vọng trả nợ của bà S.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: 25.000.000đồng x 5% = 1.250.000đồng buộc bà S phải có nghĩa vụ nộp.

Bà T là nguyên đơn nhưng xét thấy bà T là người cao tuổi và bà có đơn xin miễn nộp tiền tạm ứng án phí nên căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và được chấp nhận miễn nộp toàn bộ tạm ứng án phí cho bà T.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 26, 35, 39, 92, 147, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 16, 17 và Điều 24 Nghị định số: 19/2019/NĐ-CP, ngày 19 tháng 02 năm 2019 của Chính phủ về "họ, hụi, biêu, phường" và điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị T.

Buộc: bà Khưu Hồng S phải có nghĩa vụ trả cho bà Lê Thị T số tiền 25.000.000đồng (Hai mươi lăm triệu đồng).

Kể từ ngày bà T có đơn yêu cầu thi hành án mà bà S chưa trả đủ số tiền nêu trên thì bà S còn phải chịu lãi suất theo mức lãi quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 BLDS tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm là: 1.250.000đồng (Một triệu hai trăm năm mươi ngàn đồng) buộc bà S phải có nghĩa vụ nộp.

Bà T là nguyên đơn nhưng xét thấy bà T là người cao tuổi và bà có đơn xin miễn nộp tiền tạm ứng án phí nên căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và được chấp nhận miễn nộp toàn bộ tạm ứng án phí cho bà T.

3. Bà T, bà S có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án ngày 27/01/2026.

"Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 9 Luật Thi hành án dân sự và Điều 7, Điều 7a, Điều 7b Luật Thi hành án dân sự sửa đổi bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự".

TM/. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
-TAND tỉnh;
-VKS khu vực 5;
-THADS;
-Các đương sự;
-Lưu hồ sơ.

Danh Thị Kiều Oanh

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**